TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 05 – 6 – 2020
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Dân

2. Ông Lý Văn Sua

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Trương Thanh Quốc, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2020 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 330/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Chị **Lâm Lệ N**, sinh năm: 1978. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Đường TPX, khóm E, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh **Triệu Quang Tài**, sinh năm: 1969. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Đường QT, khóm A, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, chị Lâm Lệ N trình bày và xác định yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Triệu Quang T xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau vào năm 2009. Hôn nhân tự nguyện. Thời gian chung sống, chị và anh T phát sinh mâu thuẫn do anh T thường nhậu, không lo cho gia đình; anh, chị, em chồng chị (anh, chị, em ruột của anh Triệu Quang T) thường xuyên xúc phạm chị, cho rằng chị về làm vợ anh T là hưởng tài sản của gia đình nhà chồng; vợ chồng chị sống chung với anh chị, em của anh T nhưng gia đình cự cải thường xuyên; người thân của anh T xúc phạm chị nhưng anh T không

có tiếng nói để thay đổi được tình trạng hiện tại. Chị và anh T đã ly thân cách đây khoảng 03 tháng. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn anh T.

- Về con chung: Chị và anh T có 01 người con chung tên Triệu Tường V, sinh ngày 15/7/2010, đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi con chung và đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đ/tháng do anh T đặt ra.

- Về tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị và anh T không có nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, anh Triệu Quang T trình bày và xác định quan điểm như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T xác định thời gian anh và chị Lâm Lệ N chung sống, điều kiện kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn chị N trình bày là đúng. Thời gian chung sống, tuy anh và chị N có cự cải nhưng mâu thuẫn không lớn. Anh vẫn thương chị N nên thật lòng anh không muốn ly hôn. Nhưng chị N cương quyết ly hôn nên anh đồng ý lý hôn.

- Về con chung: Anh và chị N có 01 người con chung tên Triệu Tường V, sinh ngày 15/7/2010, đang sống chung với chị N. Anh đồng ý giao con chung cho chị N nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Anh và chị N không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh và chị N không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lâm Lệ N và anh Triệu Quang T có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nay chị Lâm Lệ N xin ly hôn. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Anh T đang cư trú tại thành phố C nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Lệ N xác định hôn nhân của chị và anh Triệu Quang T là hoàn toàn tự nguyện. Chị xin ly hôn anh T vì anh T thường xuyên nhậu, không lo cho gia đình; anh, chị, em của anh T thường xuyên có lời lẽ xúc phạm chị nhưng anh T không can thiệp được. Cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Chị và anh T đã ly thân cách đây khoảng 03 tháng. Chị N cương quyết ly hôn. Anh T thừa nhận anh có nhậu nhưng không thường xuyên. Việc anh, chị của anh xúc phạm chị N thì anh không là người có lỗi. Anh không muốn ly hôn nhưng chị N cương quyết ly hôn nên anh đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Lâm Lệ N và anh Triệu Quang T chung sống và kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của chị N và anh T được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại phiên tòa, chị Lâm Lệ N yêu cầu ly hôn và cương quyết ly hôn; anh Triệu Quang T không đồng ý ly hôn nhưng

anh không thể hàn gắn được quan hệ vợ chồng với chị N nên anh đồng ý ly hôn. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị N về việc xin ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Chị N và anh Tài có 01 người con chung tên Triệu Tường V, sinh ngày 15/7/2010. Chị N yêu cầu nuôi con, anh T đồng ý giao con cho chị N nuôi dưỡng và thỏa thuận mức cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận của chị N và anh T phù hợp với nguyện vọng của cháu V và không trái pháp luật nên công nhận sự thỏa thuận của anh, chị. Anh T không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị N và anh T xác định anh, chị không có tài sản chung. Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị N và anh T xác định anh, chị không có nợ chung. Không ai yêu cầu về nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Lâm Lệ N là nguyên đơn nên chị phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Triệu Quang T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1 - Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lâm Lệ N về việc xin ly hôn anh Triệu Quang T.

2 - Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Lâm Lệ N và anh Triệu Quang T về việc giao con chung của anh, chị tên Triệu Tường V, sinh ngày 15/7/2010 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Triệu Quang T không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Lâm Lệ N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Triệu Quang T không tự nguyện thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, thì phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

3 - Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4 - Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nợ chung. Không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

5 - Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Lâm Lệ N phải chịu 300.000đ. Ngày 21/4/2020, chị N đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C (biên lai số 0001662) được đối trừ chuyển thu nộp ngân sách Nhà nước. Án phí cấp dưỡng nuôi con anh Triệu Quang T phải chịu 300.000 đồng (chưa nộp).

6 - Về quyền kháng cáo: Chị Lâm Lệ N, anh Triệu Quang T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố C;
- THADS thành phố C;
- UBND phường E, thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Ngọc Hân